

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 262/2026/DS-PT
Ngày 25 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí

Các Thẩm phán:

- Bà Châu Minh Nguyệt.
- Ông Phùng Văn Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 637/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 238/2025/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Tô Hoài D**, sinh năm 1961. CCCD: 096061000317 ngày 09/4/2021.

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường L, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc H**, sinh năm 1971. CCCD: 096071012334 cấp ngày 25/8/2021. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Chí T** – Luật sư Công ty L1 và Cộng sự - Chi nhánh C2. Địa chỉ liên hệ: Số A N, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

- Ông **Trương Minh B**, sinh năm 1965.

CCCD: 096065014283 cấp ngày 08/7/2021. Địa chỉ: Số B, nhà L kế, đường M, khóm F, Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông B: Ông **Hồ Vũ P**, sinh năm 1980. CCCD: 096080009144 cấp ngày 02/7/2021. Địa chỉ: Khóm B, phường A, tỉnh Cà (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông B: Ông **Nguyễn Hữu N** – Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô Đình C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Địa chỉ liên hệ: Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà **Lê Hồng C1**, sinh năm 1962. CCCD: 096162008502 cấp ngày 08/7/2021. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, nhà liên kế, đường M, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Minh B, bà Lê Hồng C1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn ông Tô Hoài D trình bày:* Vào tháng 10 năm 2010, ông Trương Minh B có điện thoại hỏi mượn cá nhân ông D 3.000.000.000 đồng để xây dựng nhà, hẹn khi nào làm nhà xong ông B trả lại. Cùng thời điểm tháng 10 năm 2010, ông B đến nhà ông D nhận tiền mặt 3.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông B ký vào biên nhận đã viết sẵn giao cho ông D giữ. Ông B đã làm nhà xong, ông D có đến nhà ông B để nhắc nhở yêu cầu trả nợ, nhưng lúc này ông B nói bản thân đang bệnh, chưa xoay sở được nguồn tiền nên chưa trả được. Đến đầu năm 2015, ông D tiếp tục yêu cầu trả tiền nhưng ông B yêu cầu cho thêm thời gian trả nợ, ông B đồng ý chịu lãi 12%/năm. Vì là bạn bè tin tưởng nhau, nên ông D chấp nhận mà không yêu cầu ông B làm lại biên nhận có thể hiện thỏa thuận lãi suất vay 12%/năm.

Đến tháng 11 năm 2024, khi ông D cần tiền, nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của ông B. Ngày 25/12/2024, ông D khởi kiện vợ chồng ông B, bà C1. Ông B có trực tiếp gặp ông D yêu cầu ông D rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng ông có thêm thời gian khoảng 03 tháng sẽ trả hết nợ, nên ông D đồng ý rút đơn khởi kiện và được Tòa án đình chỉ ngày 11/02/2025. Do ông B, bà C1 vẫn không trả vốn và lãi, nên ông D yêu cầu vợ chồng ông B và bà C1 thanh toán cho ông D nợ gốc 3.000.000.000 đồng và trả lãi theo mức lãi 12%/năm, thời gian trả lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 27/10/2025 là 10 năm 09 tháng 26 ngày, bằng tiền là 3.896.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi ông Tô Hoài D yêu cầu ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 có nghĩa vụ trả cho ông D là 6.896.000.000 đồng.

- *Theo bị đơn ông Trương Minh B trình bày:* Ông B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do ông B không có vay tiền của ông D.

- *Theo bị đơn bà Lê Hồng C1 trình bày:* Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bà không biết ông D, vợ chồng bà cũng không có nhận tiền của ông D.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 238/2025/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hoài D, buộc ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Tô Hoài D số tiền 3.137.500.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hoài D về việc buộc ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 trả số tiền lãi 3.758.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền thoả thuận thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/11/2025, nguyên đơn ông Tô Hoài D kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 14/11/2025, bị đơn ông Trương Minh B, bà Lê Hồng C1 kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trương Minh B thay đổi yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn bà Lê Hồng C1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh B, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hồng C1; Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 238/2025/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh B, bà Lê Hồng C1 hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông B thay đổi yêu cầu kháng cáo từ huỷ bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Lê Hồng C1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà C1, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông D yêu cầu vợ chồng ông B và bà C1 thanh toán cho ông D nợ gốc 3.000.000.000 đồng và trả lãi theo mức lãi 12%/năm, thời gian trả lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 27/10/2025 là 10 năm 09 tháng 26 ngày, bằng tiền là 3.896.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông B, bà C1:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông D cung cấp Biên nhận ghi 10/2010, thể hiện nội dung: Ông B nhận số tiền 3.000.000.000 đồng của ông D để lo việc gia đình, khi nào làm nhà xong sẽ hoàn lại, có chữ ký của ông Trương Minh B.

[3.2] Ông B, bà C1 không thừa nhận có vay tiền và ký nhận nợ, nên nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của ông B trong biên nhận. Do ông B nguyên là công chức Nhà nước, nên nguyên đơn yêu cầu thu thập chữ viết, chữ ký tên của ông B tại cơ quan ông B công tác trước đây. Tại kết luận giám định số 210/KL-KTHS ngày 22/9/2015 của Phòng K Công an tỉnh C xác định chữ ký trên biên nhận 10/2010 là của ông Trương Minh B (bút lục 94).

[3.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn ông B yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của ông B trong biên nhận 10/2010. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông B cho rằng do ông B bị mù, nên có thể đã ký tên nhầm vào biên nhận để vay tiền 500.000.000 đồng của ông D đưa chứ không phải vay 3.000.000.000 đồng, không tiếp tục yêu cầu giám định. Mặt khác, bị đơn ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quy định, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận việc tạm ngừng phiên tòa để giám định lại theo yêu cầu của bị đơn, quy định tại khoản 5 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Từ những lập luận trên, cấp sơ thẩm xác định ông B, bà C1 có vay của ông D 3.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu được trả lãi 3.896.000.000 đồng: Căn cứ vào biên nhận bị đơn ký nhận 3.000.000.000 đồng không thể hiện lãi suất. Ngoài lời trình bày, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác có thoả thuận lãi suất 12%/năm. Do đó, cấp sơ thẩm xác định thời hạn tính lãi suất kể từ ngày phát sinh tranh chấp (12/5/2025) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự hoàn toàn có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 12%/năm là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích tại mục [3], [4], không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm:

[7.1] Bị đơn ông B không được chấp nhận kháng cáo, bà C1 từ bỏ kháng cáo, nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông B và bà C1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí (bút lục 163, 166), nên được miễn toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Nguyên đơn không được chấp nhận kháng cáo, nên ông D phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí (bút lục 153), nên được miễn toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh B, bà Lê Hồng C1.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Hoài D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 238/2025/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoài D.

Buộc bị đơn ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Tô Hoài D số tiền 3.137.500.000 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) (Trong đó: 3.000.000.000 đồng tiền vay gốc; 137.500.000 đồng tiền lãi).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoài D về việc buộc bị đơn ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 trả số tiền lãi 3.758.500.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Nguyên đơn ông Tô Hoài D được miễn nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Bị đơn ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 được miễn nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch.

4.3. Nguyên đơn ông Tô Hoài D, bị đơn ông Trương Minh B và bà Lê Hồng C1 được miễn nộp án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Công Trí